

Bản án số: 108 /2022/HS-PT

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trí Tuấn;

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Thanh Dũng;

Ông Dương Tuấn Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 năm 2022 và ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thu Trang; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2020/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Họ và tên bị cáo:**

Nguyễn Thu Trg (Lượm), sinh năm 1977 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: 63/10 đường CG, Phường 4, thành phố VT, tỉnh BR – VT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn S (sinh năm 1953) và bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1952); Có chồng là Phạm Duy Thanh Ph (sinh năm 1986) và 03 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh ngày 24/4/2018); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (bị cáo có mặt tại tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Văn C - Đoàn luật sư tỉnh BR – VT, bào chữa theo yêu cầu của bị cáo.

Ngoài ra còn có người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị liên quan nên không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/. Về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thu Trg:

Vào khoảng năm 2015, bà Nguyễn Thị H nhờ Nguyễn Thu Trg làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với thửa đất có diện tích 1.080m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10, thửa 33, thuộc Phường 5, thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số P815439 do con trai của bà Hòe là Phạm Quang Hiếu đứng tên với giá tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Bà Hòe đưa trước cho Trg số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) và GCNQSDĐ số P815439. Sau đó, Trg tìm hiểu và được biết hiện tại Nhà nước chưa cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất mà bà Hòe nhờ Trg làm giúp. Tuy nhiên, Trang không trả lại tiền và GCNQSDĐ cho bà Hòe mà vẫn giữ lại và sử dụng hết số tiền bà Hòe đưa cho Trang và đi đến Thành phố Hồ Chí Minh làm dịch vụ môi giới đất đai nhưng không thành công.

Theo lời khai nhận của Trg, trong một lần ngồi ở quán cà phê vỉa hè gần bến tàu cánh ngầm ở Thành phố Hồ Chí Minh, Trg nói chuyện qua điện thoại với các chủ nợ về việc môi giới đất đai chưa thành công nên chưa có tiền trả nợ cho họ. Khi Trg nói chuyện điện thoại xong, có hai người đàn ông ngồi uống nước gần đó qua bàn Trg ngồi và đặt vấn đề làm giả bộ con dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu cho Trg với giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để Trang sử dụng làm giả thông tin chuyển nhượng trên các GCNQSDĐ rồi đem đi thế chấp vay tiền. Do đang cần tiền trả nợ nên Trg đồng ý và phô tô GCNQSDĐ có hình con dấu tròn của Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu, dấu Giám Đốc, dấu tên Trần Quang Hiền (là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu) rồi đưa cho hai người nói trên. Khoảng 20 ngày sau, Trg gặp hai người đàn ông nói trên để giao tiền và nhận bộ con dấu giả như đã thỏa thuận (trên dấu tròn ghi: “PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP VŨNG TÀU T. BÀ RỊA-VŨNG TÀU; VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT”). Sau khi có được bộ con dấu giả, Trg đi về Vũng Tàu và thuê một người bán vé số dạo (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) ghi nội dung chỉnh lý trên trang thứ tư của GCNQSDĐ số P815439 là “15/5/2014 - Đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Duy Phong Vũ, sinh năm: 1983, số CMND: 273103527 cấp ngày 02-07-2008 tại CA Tỉnh. BR-VT. Địa chỉ: 63/12, Cô Giang, P.4, TP.Vũng Tàu. Theo hồ sơ số: 26512.00.1132”. Trg trả thù lao cho người này 2.000.000đ (hai triệu đồng). Sau đó Trg tự ký giả chữ ký của ông Trần Quang Hiền và sử dụng con dấu tròn đóng trùm lên gần hết chữ ký này, đóng dấu Giám đốc bên trên chữ ký giả và đóng dấu tên Trần Quang Hiền bên dưới chữ ký giả rồi Trg vớt bộ dấu giả này xuống biển Vũng Tàu để phi tang.

Theo Kết luận giám định số 296/PC09-Đ3 ngày 24/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công An tỉnh BR - VT (bút lục số 44), kết luận:

1/. Chữ ký mang tên Trần Quang Hiền mô tả trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 815439) so với chữ ký mang tên Trần Quang Hiền trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng 01 người ký ra.

2/. Hình dấu mô tả trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 815439) so với hình dấu trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

## 2. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thu Trg:

Sau khi làm giả nội dung chính lý tại trang thứ tư của GCNQSDĐ số P815439, Trg sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hình thức thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSDĐ số P815439 như sau:

Khoảng tháng 11/2016, thông qua bà Lê Thị Thủy, sinh năm 1976 trú tại ấp Đông, xã HL, thành phố BR, tỉnh BR - VT, Trg quen biết và vay của bà Phạm Thị Lân số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) với lãi suất 3%/tháng, thế chấp lại GCNQSDĐ số P815439 để làm tin. Để ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền bà Lân, Trg nói dối với vợ chồng ông Phạm Duy Ph V (là em chồng của Trg) và bà Trang Thị ND là Tr có mua một thửa đất nhưng không đứng tên được nên nhờ vợ chồng V đứng Tên giúp. Trg nhờ vợ chồng V ký hợp đồng thế chấp giúp Trg để Trg vay tiền của bà Lân. Vợ chồng ông V tin lời Trg và đồng ý ký tên vào hợp đồng thế chấp vay tiền của bà Lân. Trg đưa GCNQSDĐ số và giấy tờ thế chấp vay tiền cho bà Lân giữ. Trang sử dụng số tiền vay của bà Lân để trả công môi giới cho bà Thủy 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền còn lại là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) Tr sử dụng hết.

Sau khi sử dụng hết số tiền đã vay của bà Lân, Trg tiếp tục tìm người thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P815439 để vay số tiền lớn hơn. Vào cuối tháng 11/2016, thông qua bà Quyên (chưa rõ nhân thân, lai lịch), Trg quen biết và thỏa thuận thế chấp GCNQSDĐ số P815439 cho ông Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1965, trú tại: 53/2 khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Để thực hiện thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền của ông Trường, Trg ứng của ông Trường 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng) để trả gốc và lãi cho bà Lân rồi lấy lại GCNQSDĐ số P815439. Sau đó, Trg nhờ vợ chồng ông Vũ và bà Diễm ký hợp đồng ủy quyền cho Trg đối với thửa đất theo GCNQSDĐ đất số P815439. Sau khi có hợp đồng ủy quyền, Trg và ông Trường đến Văn phòng công chứng Thắng Nhất ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nói trên cho ông Trường và viết giấy tay ghi nhận Trg thế chấp vay tiền, sau đó Trang đưa toàn bộ giấy tờ cho ông Trường giữ. Trg trả công môi giới cho bà Quyên số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), số tiền còn lại là 334.000.000đ (ba trăm ba mươi tư triệu đồng) Trg sử dụng hết. Sau khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng, ông Trường nhờ Quyên nộp hồ sơ chuyển nhượng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu để chỉnh lý biến động trên trang thứ 4.

Ngày 30/11/2016, khi được giao giải quyết hồ sơ hồ sơ đề nghị chuyển

nhượng thửa đất nói trên từ vợ chồng ông Phạm Duy PhV sang cho ông Nguyễn Văn Trường, ông Nguyễn Đăng Hải là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu không thực hiện đúng nhiệm vụ, trách nhiệm của mình; không phát hiện chữ ký của ông Trần Quang Hiền ở phần nội dung chuyển nhượng ngày 15/5/2014 tại trang thứ 4 bị làm giả và ký trước ngày ông Hiền được bổ nhiệm Giám đốc; không trực tiếp đến khu đất để xác minh kiểm tra theo quy trình; tự ý lập biên bản xác minh ngay tại Văn phòng, sau đó nhờ người ký giả chữ ký của ông Nguyễn Văn Trường rồi chuyển toàn bộ hồ sơ cho ông Ngô Cát Tùng là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu, để thực hiện việc chỉnh lý. Ông Tùng kiểm tra trên hệ thống dữ liệu máy vi tính và sổ địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu không thấy có thông tin cập nhật việc chỉnh lý ngày 15/5/2014 từ ông Phạm Quang Hiếu sang ông Phạm Duy Phong Vũ như nội dung chỉnh lý đã được ghi ở trang thứ 4 trước đó. Mặc dù vậy, ông Tùng vẫn cho rằng biến động chuyển nhượng đất từ ông Hiếu sang ông Vũ là thật nhưng chưa kịp cập nhật vào hệ thống và sổ địa chính. Ông Tùng không báo cáo sự việc cho Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai VT và ông Hải biết để có hướng xử lý theo quy định; không tiến hành kiểm tra hồ sơ gốc việc chuyển nhượng đất để xác định có hay không có việc chuyển nhượng từ ông Hiếu sang ông V mà vẫn thực hiện việc chỉnh lý chuyển nhượng đất từ ông Vũ sang ông Trường. Sau đó, ông Tùng trình hồ sơ để ông Trần Quang Hiền là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu ký tên, đóng dấu. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ ông Tùng, do hồ sơ phải duyệt ký trong ngày nhiều và chủ quan không kiểm tra kỹ hồ sơ, thiếu quan sát nên ông Hiền không phát hiện được chữ ký của ông xác nhận nội dung chuyển nhượng thửa đất trên từ ông Phạm Quang Hiếu sang ông Phạm Duy Phong Vũ vào ngày 15/5/2014 ở trang 4 của GCNQSD đất số P815439 bị làm giả, ký trước ngày ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu. Do đó, ông Hiền vẫn ký xác nhận việc chuyển nhượng, chỉnh lý biến động đất từ ông Phạm Duy PhV sang ông Nguyễn Văn Trường.

Sau khi sử dụng hết số tiền vay của ông Trường, Trg tiếp tục tìm người thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSDĐ số P815439 để vay số tiền nhiều hơn. Khoảng tháng 12/2016, thông qua ông Diệp Trọng Trung Kiên, sinh năm 1979 trú tại khu phố 1, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa và bà Diệp Hồng Lan, sinh năm 1959 trú tại tổ 4, khu phố 3, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, Trg quen biết anh Huỳnh Hữu Bảo Ân, sinh năm 1979 trú tại 1189 Bạch Đằng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa. Trg đặt vấn đề thế chấp quyền sử dụng đất trên GCNQSDĐ số P815439 để vay của ông Ân số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), lãi suất từ 3%/tháng. Sau khi xem giấy pho to GCNQSDĐ số P815439, ông Ân được Trg dẫn đến xem một thửa đất trống tại Phường 5, thành phố Vũng Tàu thì ông Ân đồng ý cho Trg vay tiền. Ông Ân thỏa thuận đưa trước cho Trg số tiền 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng), số tiền 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) ông Ân sẽ đưa sau khi hoàn tất việc sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ân. Trg sử dụng số tiền này trả cho ông Trường 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) tiền gốc và 144.000.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tiền lãi để lấy GCNQSDĐ nói trên đưa cho ông Ân. Trang trả tiền công môi giới cho ông Kiên

và bà Lan khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng) mỗi người. Số còn lại là 836.000.000đ (tám trăm ba mươi sáu triệu đồng) Trg sử dụng hết. Trg nhờ ông Trường ký chuyển nhượng cho ông Ân, sau đó ông Ân nộp hồ sơ chuyển nhượng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu để sang tên. Do chờ đợi hồ sơ sang tên lâu nên ông Ân tự tìm hiểu và biết được nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là giả. Ông Ân gọi điện thoại cho Trg và Trg thừa nhận làm giả nội dung chuyển nhượng. Trg đề nghị ông Ân đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu rút lại hồ sơ chuyển nhượng đã nộp trước đó, Trg hứa sẽ trả lại tiền cho ông Ân. Sau khi rút được hồ sơ chuyển nhượng, ngày 23/01/2017, ông Ân cùng Trg, vợ chồng ông Trường đến Văn phòng công chứng Chí Linh, thành phố Vũng Tàu để hủy hợp đồng chuyển nhượng từ vợ chồng ông Trường cho ông Ân.

Sau khi ông Ân đến rút hồ sơ chuyển nhượng, do nghi vấn nội dung chuyển nhượng trên GCNQSDĐ số P815439 là giả mạo nên nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu đã báo cáo ông Trần Quang Hiền - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng biết. Sau khi kiểm tra trong hồ sơ lưu tại văn phòng và phát hiện toàn bộ nội dung chuyển nhượng tại trang thứ 4 của GCNQSDĐ số P815439 là giả mạo, ông Hiền yêu cầu nhân viên đến Văn phòng công chứng Chí Linh và Văn phòng công chứng Thắng Nhất (là nơi đã làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng trước đây) đề hủy các hợp đồng chuyển nhượng trái pháp luật. Khi đến Văn phòng công chứng Chí Linh phát hiện hồ sơ hủy hợp đồng chuyển nhượng do Trg đề nghị đang được giải quyết, nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Vũng Tàu đã thu hồi GCNQSDĐ số P815439 nói trên, xử lý hủy toàn bộ nội dung chuyển nhượng - tại trang thứ 4 và thông báo cho ông Phạm Quang Hiếu, đến nhận lại GCNQSDĐ. Bà Hòe (đại diện cho ông Hiếu) không nhận lại GCNQSDĐ số P815439 và đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất của gia đình bà và làm đơn tố cáo Trg gửi đến Công An thành phố Vũng Tàu. Ngoài ra, bà Hòe còn tố giác Trg vay mượn bà Hòe nhiều lần với tổng số tiền là 4.775.000.000đ (bốn tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Xét thấy việc vay mượn này là sự thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên, chỉ là giao dịch dân sự nên không có cơ sở xử lý hình sự Trg trong việc vay mượn này.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2020/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu Trg phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu Trg 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc Nguyễn Thu Trg phải chấp hành 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/12/2020, bị cáo Nguyễn Thu Trg có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thu Trg vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo đã khắc phục, bồi thường cho người bị hại 150 triệu đồng, án sơ thẩm có nêu nhưng không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ, ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thu Trg về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 15 năm tù đối với 02 tội danh là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thì thấy cấp sơ thẩm còn bỏ lọt người phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, cụ thể:

Đối với Trần Quang Hiền, Ngô Cát Tùng và Nguyễn Đăng Hải là những người có chức vụ quyền hạn trong việc quản lý đăng ký đất đai nhưng đã không thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không làm đúng theo quy định, không xác minh thực tế hồ sơ, đồng thời ông Nguyễn Đăng Hải còn có hành vi làm giả chữ ký của ông Nguyễn Văn Trường để hoàn tất thủ tục vào hồ sơ chỉnh lý đất đai. Từ những hành vi này dẫn đến việc ông Huỳnh Hữu Bảo Ân đã bị Nguyễn Thu Trg chiếm đoạt 1.600.000.000 đồng. Xét thấy, hành vi của ông Trần Quang Hiền, Ngô Cát Tùng, Nguyễn Đăng Hải có dấu hiệu phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Đối với hành vi của Phạm Duy PhV và Trang Thị NgD về việc đứng tên giúp và ký hồ sơ thế chấp cho Nguyễn Thu Trg vay nợ. Cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm cho rằng: Vũ và Diễm không đủ nhận thức pháp luật về hành vi của mình thực hiện. Nguyễn Thu Trg nhờ vợ chồng Vũ giúp mình đứng tên, vợ chồng Vũ không thực hiện việc mua bán và ký tên trên GCNQSDĐ nhưng khi được Trg nhờ ký GCNQSDĐ để thế chấp thì vợ chồng Vũ đồng ý, vợ chồng Vũ biết hoặc phải biết các thủ tục cơ bản để có thể đứng tên trên GCNQSDĐ. Cho nên, cần xem xét vợ chồng Vũ có vai trò giúp sức cho Trang trong việc thực hiện hành vi phạm tội hay không.

Đối với công chứng viên Đoàn Huy Quỳnh đã thực hiện chứng nhận cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cơ quan tiến hành tố tụng đã không xem xét đến hành vi của công chứng viên này. Khi tiến hành công chứng cho hợp đồng thế chấp GCNQSDĐ nói trên, ông Quỳnh không tiến hành xác minh GCNQSDĐ là giả hay thật, không tiến hành tra cứu lịch sử giao dịch của thửa đất trên hệ thống công chứng, dẫn đến Trang dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội

cửa mình. Ông Tiến đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 7 Luật công chứng 2014 về các hành vi bị cấm của công chứng viên. Do đó, cần làm rõ hành vi của Công chứng viên Đoàn Huy Quỳnh có giúp sức cho Nguyễn Thu Trg thực hiện hành vi phạm tội.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm a Khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu Trang, hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, nghe các đương sự trình bày và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu Trg làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thu Trg thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án; đều thống nhất xác định:

Sau khi giúp bà Nguyễn Thị Hòe làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất không thành công, bị cáo Nguyễn Thu Trg không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P815439 (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Phường 5, thành phố Vũng Tàu) cho bà Hòe và bỏ đi nơi khác. Do cần tiền trả nợ cá nhân nên bị cáo thuê người làm giả con dấu của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vũng Tàu, ghi, ký và đóng dấu xác nhận nội dung chỉnh lý quyền sử dụng đất của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P815439 sang tên ông Phạm Duy PhV (em chồng bị cáo). Sau đó bị cáo nhờ vợ chồng ông Vũ ký hợp đồng thế chấp hoặc ký ủy quyền cho bị cáo để thế chấp vay tiền của những người bị hại. Cụ thể, tháng 11/2016, vợ chồng ông Vũ ký hợp đồng thế chấp để bị cáo vay của bà Phạm Thị Lân 200.000.000 đồng; cuối tháng 11/2016, vợ chồng ông Vũ ký ủy quyền cho bị cáo thế chấp tài sản vay của ông Nguyễn Văn Trường 600.000.000 đồng; đến tháng 12/2016 bị cáo tiếp tục ký hợp đồng thế chấp vay của ông Huỳnh Hữu Bảo Ân 3.000.000.000 đồng, ông Ân đã giao cho bị cáo 1.600.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi làm giả nội dung chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo Nguyễn Thu Trg đã sử dụng giấy tờ giả này để thế chấp và vay tiền của 03 người bị hại như đã nêu trên. Bị cáo đã có hành vi gian dối để bà Phạm Thị Lân, ông Nguyễn Văn Trường, ông Huỳnh Hữu Bảo Ân tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành kể từ thời điểm bà Lân, ông Trường, ông Ân giao tiền cho bị cáo. Kết luận điều tra và Cáo trạng cho rằng bị cáo đã trả tiền cho bà Phạm Thị Lân, ông Nguyễn Văn Trường trước thời điểm khởi tố vụ án nên chỉ xác định bị cáo có hành vi lừa đảo ông Huỳnh Hữu Bảo Ân với số tiền 1.600.000.000 đồng là chưa phù hợp với

quy định pháp luật; có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã 02 lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát đề nghị truy tố bổ sung đối với bị cáo Trang về hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản với bà Lân, ông Trường nhưng không được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đúng quy định pháp luật.

[4] Bị cáo Nguyễn Thu Trang không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu Trg.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2020/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu điều tra lại theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thu Trg không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Công An tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Lưu VP (3), HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Trí Tuấn**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng    Dương Tuấn Vinh**

**Phạm Trí Tuấn**